

Số: 10 /2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức
các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và
UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi
trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị
sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
803/TTr-SNNMT ngày 31/12/2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp thực
hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện
công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2026.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;
Giám đốc Trung tâm Khuyến nông; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ
chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Trung tâm Khuyến nông quốc gia;
- Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3,10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Dũng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2026/QĐ-UBND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về đối tượng, mục đích, nguyên tắc, nội dung, phương thức phối hợp và trách nhiệm giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông, các đơn vị trực thuộc Sở với Ủy ban nhân dân các xã/phường và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Những nội dung không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông, các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Ủy ban nhân dân các xã/phường (*sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã*), đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp xã.

3. Viên chức khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Mục đích phối hợp

1. Bảo đảm sự thống nhất trong quản lý, chỉ đạo, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh; phát huy vai trò chủ động, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác khuyến nông; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác khuyến nông phục vụ phát triển nông nghiệp, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

2. Huy động, phối hợp, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực và tăng cường sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định pháp luật về khuyến nông và quy định pháp luật

hiện hành, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị được pháp luật quy định.

2. Nội dung, nhiệm vụ thuộc phạm vi của cơ quan, đơn vị nào thì cơ quan, đơn vị đó chủ trì, chủ động đề xuất với các cơ quan, đơn vị khác để cùng phối hợp giải quyết; đảm bảo công việc được xử lý kịp thời, hiệu quả.

3. Tăng cường sự phối hợp, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và triển khai các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Phương thức phối hợp

1. Khi cần phối hợp giải quyết các nhiệm vụ khuyến nông thuộc phạm vi cấp tỉnh quản lý, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hoặc ủy quyền cho Trung tâm Khuyến nông chủ trì làm việc (hoặc xin ý kiến bằng văn bản) với các đơn vị thuộc Sở và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan để cùng thống nhất giải quyết.

2. Khi cần phối hợp giải quyết các nhiệm vụ khuyến nông thuộc phạm vi cấp xã quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì làm việc (hoặc xin ý kiến bằng văn bản) với Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có liên quan để cùng thống nhất giải quyết.

3. Định kỳ hàng quý, Trung tâm Khuyến nông tổ chức họp giao ban với khuyến nông cấp xã để chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và nắm bắt các vấn đề mới phát sinh trong hoạt động khuyến nông.

4. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hoặc ủy quyền cho Trung tâm Khuyến nông chủ trì thành lập các đoàn hoặc tổ công tác để hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ cấp xã thực hiện công tác khuyến nông.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 6. Phối hợp trong công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động khuyến nông

1. Triển khai thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp và khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

2. Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

3. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các hoạt động khuyến nông triển khai trên địa bàn tỉnh (bao gồm cả hoạt động khuyến nông của các tổ chức khuyến nông nhà nước và hoạt động khuyến nông của các tổ chức tư nhân, doanh nghiệp).

4. Theo dõi, đánh giá hiệu quả công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh và đề xuất điều chỉnh kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn của sản xuất.

Điều 7. Phối hợp trong công tác triển khai các nhiệm vụ khuyến nông

1. Xây dựng các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông địa phương trình UBND cấp tỉnh, cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.
2. Xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức, thành viên Hợp tác xã, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng, nông dân về các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản.
3. Thực hiện công tác thông tin tuyên truyền, biên soạn, phát hành tài liệu, tờ rơi, xây dựng cơ sở dữ liệu khuyến nông; tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông cấp xã, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, hợp tác xã, nông dân, người sản xuất.
4. Thực hiện mô hình trình diễn ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP), nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, nông nghiệp thông minh, mô hình chuỗi liên kết sản xuất.
5. Nghiên cứu, khảo nghiệm, kiểm nghiệm và đánh giá hiệu quả của các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, giải pháp trước khi ứng dụng, chuyển giao vào thực tế sản xuất.
6. Chuyển giao công nghệ, tổ chức lại sản xuất, liên kết chuỗi giá trị, hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn phục vụ chế biến, xuất khẩu.

Điều 8. Phối hợp trong công tác triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp và phòng trừ dịch bệnh, khắc phục hậu quả sau thiên tai

1. Xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp (bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp), xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới của địa phương; theo dõi chặt chẽ tình hình sản xuất (tiến độ sản xuất, cơ cấu giống, thời vụ sản xuất) và giám sát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản, đề xuất các giải pháp xử lý khi xảy ra dịch bệnh.
2. Nắm bắt thông tin để hướng dẫn, tuyên truyền các giải pháp phòng, chống, khôi phục sản xuất do thiên tai, thời tiết cực đoan đối với sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản.
3. Huy động, điều động cán bộ, viên chức, người lao động của các đơn vị có liên quan tham gia công tác điều tra, phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản khi có yêu cầu, đảm bảo hiệu quả, đúng chức năng nhiệm vụ và quy định hiện hành.

Điều 9. Chia sẻ thông tin và cung cấp dữ liệu kịp thời

1. Thiết lập kênh chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị về chính sách, pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, hoạt động khuyến nông, sản xuất, dịch bệnh, môi trường để đảm bảo công tác phối hợp đạt hiệu quả.

2. Cung cấp dữ liệu chính xác, kịp thời để điều chỉnh kế hoạch sản xuất, phòng, chống dịch bệnh.

3. Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về sản xuất nông nghiệp, dịch bệnh và các chỉ số kỹ thuật quan trọng phục vụ sản xuất nông nghiệp và hoạt động khuyến nông.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và môi trường

1. Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở triển khai thực hiện hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khuyến nông.

2. Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện công tác khuyến nông tại các địa phương.

3. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả hoạt động quản lý nhà nước đối với lĩnh vực khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Trách nhiệm của Trung tâm Khuyến nông

1. Tham mưu, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng cơ chế, chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật về hoạt động khuyến nông, chế độ đãi ngộ đối với cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Chủ trì xây dựng chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

3. Tham gia triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp, theo dõi, giám sát, phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản, khắc phục hậu quả sau thiên tai, bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo phân công của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý, triển khai thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

5. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; điều phối, đôn đốc, hỗ trợ công tác khuyến nông cấp xã, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng.

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Phối hợp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông theo lĩnh vực, phạm vi quản lý.

2. Tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và các chiến lược, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật về lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

3. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản tại cơ sở theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chia sẻ thông tin về phòng chống dịch bệnh và đề xuất giải pháp hiệu quả, kịp thời. Chủ động, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực quản lý khi nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã; đối với các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Bố trí nhân sự viên chức khuyến nông cấp xã đảm bảo đủ số lượng và phân công thực hiện nhiệm vụ khuyến nông cấp xã theo đúng quy định tại Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã.

2. Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường để triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về khuyến nông trên địa bàn xã.

3. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc về lĩnh vực khuyến nông, chủ động giải quyết theo thẩm quyền, quy định hoặc đề xuất, kiến nghị đến cấp có thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định (nếu vượt thẩm quyền).

Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp xã (Khuyến nông xã)

1. Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn khi được cấp có thẩm quyền giao; tuân thủ sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh trong hoạt động khuyến nông.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông cấp xã để hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển cộng đồng, du lịch nông thôn, sản phẩm OCOP nhằm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp tại địa phương để trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Theo dõi diễn biến tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản; tham gia các nhiệm vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường tại địa phương. Kịp thời tháo gỡ, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh hoặc báo cáo, đề xuất đến cấp có thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định (nếu vượt thẩm quyền).

4. Định hướng hoạt động khuyến nông của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn (tổ khuyến nông cộng đồng, hợp tác xã, doanh nghiệp) để hỗ trợ người dân trên địa bàn xã phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương; tham gia phòng, chống hàng gian, hàng giả trong sản xuất và lưu thông sản phẩm nông sản trên địa bàn xã.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Chế độ thông tin báo cáo

1. Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Khuyến nông xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Trung tâm Khuyến nông về tình hình hoạt động khuyến nông và sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

2. Trung tâm Khuyến nông tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường và gửi các đơn vị thuộc Sở để biết, phối hợp công tác về những khó khăn, vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện công tác khuyến nông tại cơ sở; tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch, mô hình khuyến nông trên địa bàn tỉnh; công tác hướng dẫn, tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp; kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

3. Khi phát hiện có thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và các vấn đề phát sinh tại cơ sở có liên quan, Khuyến nông xã báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở có liên quan để xử lý kịp thời.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông, các đơn vị thuộc Sở, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đúng các nội dung tại Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc hoặc cần bổ sung, sửa đổi Quy chế, các địa phương, đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Trung tâm Khuyến nông), Ủy ban nhân dân cấp xã để chủ động xem xét, giải quyết hoặc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo thẩm quyền./.